



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tin học ứng dụng trong tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01		4,5	04	Lý	HP
2	000002	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	01		4,5	09	Minh	
3	000003	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01		7,5	30	An	
4	000004	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01		5,0	31	Quốc	
5	000005	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01		7,0	32	Anh	
6	000006	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01		Mười	33	Phu	
7	000007	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01		9,5	34	Ánh	
8	000008	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01		7,0	35	Cường	
9	000009	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01		5,0	01	Đăng	
10	000010	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01		4,0	23	Đạt	
11	000011	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01		Mười	24	Diệu	
12	000012	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01		8,0	25	Đức	
13	000013	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01		3,5	26	Dũng	
14	000014	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01		8,5	27	Dũng	
15	000015	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01		7,0	28	Thảo	
16	000016	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01		4,5	06	Bình	
17	000017	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01		Mười	15	Minh	
18	000018	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01		8,0	21	Thùy	
19	000019	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01		5,5	20	Duy	
20	000020	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01		6,5	22	Phương	
21	000021	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01		9,0	19	Ngân	
22	000022	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01		7,8	18	Hằng	
23	000023	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01		5,0	29	Hằng	
24	000024	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01		6,5	17	Hiền	
25	000025	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01		7,0	02	Hiệp	
26	000026	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01		9,5	08	Hoa	
27	000027	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01		5,0	11	Việt	
28	000028	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01		8,0	12	Huy	

9/12

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01		9,5	13	Hương	
30	000030	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01		9,5	14	Thu	
31	000031	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01		9,0	10	Huy	
32	000032	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01		7,5	16	Huyền	
33	000033	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01		9,3	15	Huyền	
34	000034	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01		7,0	7	Huyền	

Tổng số sinh viên dự thi: 34....

Tổng số tờ giấy thi: 34....

Tổng số biên bản: 0....

Ngày 9 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Chanh - Phạm Thị Thanh Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tin học ứng dụng trong tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01		8,5	07	Khải	
2	000036	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01		9,5	06	Lan	
3	000037	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01		8,5	05	Linh	
4	000038	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01		6,5	04	Linh	
5	000039	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01		9,5	03	Linh	
6	000040	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01		5,5	01	Long	
7	000041	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01		9,0	02	Ly	
8	000042	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01		9,5	10	Ly	
9	000043	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01		9,5	26	Mai	
10	000044	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01		5,0	08	Nam	
11	000045	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01		9,8	13	Nga	
12	000046	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01		9,0	11	Ngân	
13	000047	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01		muôn	12	Nhi	
14	000048	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01		9,5	20	Nhung	
15	000049	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01		8,0	19	Phương	
16	000050	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01		8,0	18	Quang	
17	000051	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01		9,8	17	Thảo	
18	000052	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01		4,0	16	Thơ	
19	000053	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01		9,8	15	Thu	
20	000054	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01		8,8	14	Thu	
21	000055	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01		9,0	13	Thương	
22	000056	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01					HP Vắng
23	000057	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01		9,5	21	Trang	
24	000058	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01		muôn	22	Trang	
25	000059	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01		6,5	23	Trang	
26	000060	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01		9,8	28	Trang	
27	000061	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01		7,5	25	Trang	
28	000062	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01		7,0	32	Tuấn	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000063	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01		4,5	31	Tùng	
30	000064	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01		miền	27	Vy	
31	000065	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01					Vàng
32	000066	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01		miền	28	Chiêu	
33	000067	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01		9,8	29	Ong	
34	000068	0710112006	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	TC7A	01		5,0	30	Thảo	HP

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 32...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày .09. tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ T. Thuận Bui Thị Vân